

Số: ~~2538~~/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày ~~10~~ tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Xét đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế và Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2668/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC(3).

gk *lv*



QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-BTNMT
ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc vận động tài trợ, xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án, hoạt động (sau đây gọi chung là dự án) có sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Vốn tài trợ nước ngoài nêu trong Quy chế này bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 16/2016/NĐ-CP), Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT) và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 93/2009/NĐ-CP).

3. Quy chế này áp dụng cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Các hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài phải tuân thủ quy định của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan khác của Nhà nước.

2. Các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài do các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phải dựa trên quy định tại khoản 1, Điều 11, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Điều 5 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực; kế hoạch trung, dài

hạn, định hướng ưu tiên trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và năng lực tiếp nhận vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và sử dụng tài trợ của đơn vị đề xuất.

3. Các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện triển khai thực hiện.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 3. Đề xuất dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài

1. Định kỳ hàng năm vào thời điểm xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch-Tài chính trình Bộ trưởng ký văn bản gửi các đơn vị trực thuộc hướng dẫn việc đề xuất các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài trong năm sau.

Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch vận động tài trợ hàng năm, trên cơ sở tình hình và yêu cầu quản lý các dự án nguồn tài trợ nước ngoài của Bộ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch-Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch vận động tài trợ trung hạn (03 đến 05 năm) để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định làm căn cứ thực hiện hàng năm.

2. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch làm việc với các nhà tài trợ và các đối tác quốc tế; tổ chức hội nghị hoặc diễn đàn vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi để vận động tài trợ và hợp tác cho từng hoạt động cụ thể theo quy định hiện hành. Nguồn kinh phí cho hoạt động này được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, căn cứ tiêu chí để lựa chọn Đề xuất dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch-Tài chính và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng xem xét, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tài trợ kèm theo đề xuất dự án theo quy định.

Trong trường hợp cần thiết, Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng thẩm định đề xuất dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trước khi trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các đề xuất dự án được lựa chọn, theo từng loại dự án, Vụ Hợp tác quốc tế hướng dẫn đơn vị đề xuất lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục: IIIa, IIIb, IIIc, IV Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

5. Đối với dự án vận động tài trợ không trùng với thời điểm hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường nêu tại khoản 1 Điều này, đơn vị đề xuất dự án báo cáo Bộ để thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành.

6. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ (PCP) nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư của tất cả các dự án nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các khoản viện trợ PCP nước ngoài do Bộ quản lý.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Chính phủ, dự án nhóm A theo Điều 8 Luật Đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trình Bộ trưởng văn bản đề trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1, Điều 14, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

3. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch-Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

4. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch-Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Bộ trưởng quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

4.1. Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan về chủ trương đầu tư.

Căn cứ ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, ý kiến thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án và phương thức cho vay lại:

- Đối với dự án đầu tư: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, tổ chức Hội nghị thẩm

định hoặc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan, đơn vị liên quan trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan. Nội dung thẩm định theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án: Vụ Hợp tác quốc tế hướng dẫn đơn vị đề xuất dự án hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

4.2. Đơn vị đề xuất dự án hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi về Vụ Hợp tác quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan.

4.3. Sau khi Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được chỉnh sửa theo các ý kiến thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Vụ Hợp tác quốc tế dự thảo quyết định chủ trương đầu tư theo nội dung quy định tại Điều 20, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP trình Bộ trưởng phê duyệt.

Trong dự thảo Quyết định chủ trương đầu tư trình Bộ phê duyệt phải đề xuất cụ thể chủ dự án theo nguyên tắc sau:

- Các dự án chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ do các đơn vị thuộc Bộ làm chủ dự án;

- Các dự án khác do các đơn vị thuộc khối Văn phòng Bộ thực hiện sẽ do Văn phòng Bộ làm chủ dự án.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng phê duyệt, quyết định chủ trương đầu tư kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi và chuẩn bị thực hiện các bước tiếp theo.

Điều 5. Các hoạt động thực hiện trước

1. Sau khi chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định, các hoạt động thực hiện trước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 19 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ, chủ dự án báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường các hoạt động thực hiện trước (nếu có).

3. Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định các hoạt động thực hiện trước, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc giao chủ dự án quyết định những hoạt động được phân cấp theo quy định hiện hành.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 6. Xây dựng văn kiện dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi)

1. Sau khi dự án ODA và vốn vay ưu đãi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài xây dựng văn kiện dự án theo các quy định tại Điều 26, Điều 27, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

2. Văn kiện dự án viện trợ PCP nước ngoài được lập theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ thực hiện trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, Điều 26, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt văn kiện dự án ODA và vốn vay ưu đãi gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, bao gồm:

2.1. Văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị thẩm định và phê duyệt văn kiện dự án.

2.2. Quyết định chủ trương đầu tư dự án kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

2.3. Văn kiện dự án.

2.4. Các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ (đối với dự án thuộc đối tượng vay lại).

2.5. Văn bản ý kiến về dự án của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan (trong quá trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và xây dựng văn kiện dự án nếu có).

2.6. Bản sao tài liệu đàm phán với nhà tài trợ và các tổ chức có liên quan.

2.7. Các tài liệu khác có liên quan.

3. Nội dung thẩm định văn kiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính

phủ quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định văn kiện dự án, báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện dự án và quyết định đầu tư, Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo Lãnh đạo Bộ thông báo cho nhà tài trợ và chủ dự án để thực hiện các bước tiếp theo.

5. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, công tác thẩm định được quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 26 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và theo quy trình như sau:

5.1. Đối với dự án đầu tư:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính báo cáo Lãnh đạo Bộ, gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án, (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng), ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án và các cơ quan khác về những nội dung có liên quan;

- Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện dự án và gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính trong thời hạn 15 ngày làm việc;

- Không quá 20 ngày làm việc, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, thẩm định văn kiện dự án thông qua hình thức tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan; lập báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo quyết định đầu tư dự án, trình Bộ trưởng phê duyệt.

- Sau khi Quyết định được Bộ trưởng ký ban hành, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Quyết định đầu tư dự án kèm theo văn kiện dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Bộ phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

5.2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật và các khoản viện trợ phi dự án: Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư, Vụ Kế hoạch - Tài chính báo cáo Bộ trưởng phê duyệt.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng ban hành, quyết định đầu tư dự án kèm theo văn kiện dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Bộ phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

6. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài, hồ sơ thẩm định, nội dung, quy trình và thời hạn thẩm định, phê duyệt thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 19, Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các văn bản

hướng dẫn thi hành.

Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt theo thẩm quyền hoặc ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện viện trợ phi dự án có đóng dấu giáp lai được gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Chương IV

KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Mục 1

KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Đề xuất, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Cơ sở đề xuất, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi là văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư dự án.

2. Trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

2.1. Trình Bộ trưởng ký văn bản trình Chính phủ việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA viện trợ không hoàn lại đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2.2. Trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Cơ quan đề xuất tại Khoản 2, 3, 4 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, trình Chính phủ ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi với Nhà tài trợ theo quy định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Đối với việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 2

KÝ KẾT THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Đề xuất, ký kết thỏa thuận về ODA và vốn vay ưu đãi

1. Cơ sở đề xuất, ký kết thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi (trong trường hợp có ký kết điều ước quốc tế), văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư dự án.

2. Trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

2.1. Trình Bộ trưởng ký văn bản trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại đối với các dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2.2. Trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Cơ quan đề xuất tại Khoản 2, 3, 4 Điều 35 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, trình Chính phủ ký kết thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi với Nhà tài trợ theo quy định.

Điều 11. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi ký kết nhân danh Nhà nước thực hiện theo khoản 1, Điều 36 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ thực hiện theo khoản 2, Điều 36 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhân danh Chính phủ: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng theo quy định khoản 3, Điều 36 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Điều 12. Đàm phán, ký kết viện trợ PCP nước ngoài

Công tác đàm phán, ký kết viện trợ PCP nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 13. Hình thức tổ chức quản lý dự án

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có tổng mức trên 350.000 đô la Mỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Trường hợp còn lại, người quyết định đầu tư căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án của chủ dự án, quy định về tổ chức quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài để lựa chọn hình thức quản lý dự án theo quy định hiện hành.

Điều 14. Ban quản lý dự án

1. Nguyên tắc chung trong việc thành lập Ban quản lý dự án:

1.1. Việc thành lập Ban quản lý dự án (nếu có) phải được nêu trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Xem xét khả năng sử dụng các Ban quản lý dự án hiện có để giảm chi phí quản lý trên cơ sở sử dụng năng lực, kinh nghiệm của bộ máy và các cán bộ quản lý. Trường hợp Ban quản lý dự án hiện có không đủ điều kiện để quản lý thêm dự án mới thì chủ dự án thành lập Ban quản lý dự án mới để quản lý thực hiện dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn.

2. Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi có quyết định đầu tư, người có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Ban quản lý dự án, trong đó quy định cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm, quyền hạn và ủy quyền; đề cương giao việc đối với một số chức danh chủ chốt của Ban quản lý dự án. Các chức danh: Giám đốc, Kế toán của dự án (trường hợp dự án có nhiều hơn một Kế toán thì Kế toán trưởng) phải là người thuộc biên chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1. Đối với dự án do Bộ quyết định thành lập Ban quản lý dự án: Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với chủ dự án và các đơn vị chức năng có liên quan, trình Bộ trưởng quyết định.

2.2. Đối với dự án còn lại: Chủ dự án, sau khi thống nhất ý kiến bằng văn bản của Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế, quyết định thành lập Ban quản lý dự án theo quy định hiện hành.

Tại một thời điểm, mỗi cán bộ thuộc biên chế của Bộ (biên chế của đơn vị chủ dự án) chỉ được tham gia (làm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán hoặc Kế

toán trưởng) không quá 02 dự án. Trường hợp đặc biệt, chủ dự án báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án, cơ quan quyết định thành lập Ban quản lý dự án có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

5. Trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ dự án sử dụng pháp nhân của mình để trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Chủ dự án phải có quyết định bằng văn bản phân công và giao nhiệm vụ bổ sung cho đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện các hoạt động quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành của pháp luật, theo đó tối thiểu phải có một cán bộ đầu mối về quản lý và một cán bộ đầu mối theo dõi tài chính, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách và phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí đảm nhận.

Trong vòng 03 ngày làm việc, chủ dự án gửi văn bản nêu trên cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài để phục vụ công tác giám sát và phối hợp hoạt động quản lý dự án.

6. Các quyết định của chủ dự án, chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài nêu tại Khoản 2 đến Khoản 5 Điều này, hợp đồng thuê tư vấn trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án phải được gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

Điều 15. Ban chỉ đạo dự án

1. Ban chỉ đạo dự án được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét thành lập đối với dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp và liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ. Trưởng ban là một Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; thành phần Ban chỉ đạo dự án là đại diện lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị có liên quan; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo dự án quy định cụ thể trong quyết định thành lập.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ hướng dẫn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều 4 Quy chế này, chủ dự án gửi Bộ

Tài nguyên và Môi trường hồ sơ trình phê duyệt thành lập Ban chỉ đạo dự án, bao gồm:

- Văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị thành lập Ban chỉ đạo dự án.

- Văn bản cử cán bộ tham gia Ban chỉ đạo dự án của các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban chỉ đạo dự án.

Điều 16. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng trung hạn 5 năm và hàng năm

1. Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn là một phần của kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Vụ Kế hoạch-Tài chính chủ trì hướng dẫn các đơn vị lập, thẩm định, và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 5 năm theo quy định hiện hành.

2. Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công và kế hoạch ngân sách hàng năm của Bộ.

2.1. Trước thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm 30 ngày, căn cứ kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 5 năm và kế hoạch tổng thể thực hiện dự án đã được Bộ phê duyệt, chủ dự án trình Bộ phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm. Nội dung của kế hoạch thực hiện dự án hàng năm theo quy định tại khoản 2, Điều 47, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2.2. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm bao gồm:

- Văn bản đề nghị Bộ phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm;
- Quyết định đầu tư và văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 05 và kế hoạch tổng thể thực hiện dự án;
- Ý kiến của nhà tài trợ về kế hoạch thực hiện năm của dự án.

2.3. Vụ Kế hoạch-Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày Lãnh đạo Bộ ký ban hành, Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện dự án hàng năm phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ theo quy định.

Điều 17. Đấu thầu

Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP. Đối với công việc thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý cấp trên, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt.

Điều 18. Điều chỉnh nội dung dự án

Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có điều chỉnh thì thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Nghị định số 93/2009/NĐ-CP. Chủ dự án, chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài có văn bản báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường việc điều chỉnh dự án.

1. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

1.1. Trường hợp điều chỉnh nội dung dự án dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 53 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

1.2. Trường hợp điều chỉnh dự án dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Căn cứ nội dung điều chỉnh, thực hiện theo mục a khoản này. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài:

2.1. Dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xử lý theo quy định.

2.2. Dự án do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt: trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài, Vụ Kế hoạch-Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 19. Nghiệm thu, bàn giao

Nghiệm thu, bàn giao dự án nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; các khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng, việc nghiệm thu, bàn giao quyết toán dự

án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, quy chế quản lý đầu tư công của Bộ và quy định của nhà tài trợ.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, việc nghiệm thu, thực hiện theo quy định kiểm tra, nghiệm thu của các lĩnh vực quản lý chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của nhà tài trợ. Sau khi kết thúc thực hiện dự án, chủ dự án tổ chức nghiệm thu hoàn thành và bàn giao sản phẩm có sự tham gia của đại diện các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch-Tài chính, Tổ chức cán bộ; các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và đề xuất việc khai thác và phát huy kết quả đạt được của dự án.

2.1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện dự án, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, hướng dẫn chủ dự án lập báo cáo kết thúc dự án theo quy định hiện hành gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để phê duyệt dự án hoàn thành theo Quy chế quản lý các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ.

2.2. Căn cứ quyết định phê duyệt dự án hoàn thành, chủ dự án gửi báo cáo kết thúc tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định hiện hành.

3. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện dự án. Chủ tịch Hội đồng là một Lãnh đạo Bộ, các thành viên là đại diện lãnh đạo các Vụ: Kế hoạch-Tài chính, Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ và lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan đến dự án.

Điều 20. Giám sát, đánh giá dự án

1. Nội dung, trách nhiệm giám sát, đánh giá dự án của cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư và chủ dự án thực hiện theo quy định hiện hành về giám sát, đánh giá đầu tư và quy định về kiểm tra, nghiệm thu của các lĩnh vực quản lý chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với việc giám sát, đánh giá thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tổ chức cán bộ và các cơ quan liên quan khác tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án và sự tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ về quản lý dự án ít nhất mỗi năm một lần.

2. Kinh phí cho việc giám sát và đánh giá đầu tư dự án: bố trí từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi hoặc vốn đối ứng và phải được xác định trong văn kiện dự án.

Điều 21. Báo cáo thực hiện dự án

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính là đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo cấp cơ quan quản lý cấp trên để gửi các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành; là đơn vị

đầu mối của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan về các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài viện trợ do Bộ quản lý. Các Vụ: Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp cung cấp thông tin.

2. Việc báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo các quy định tại Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT; chế độ báo cáo như sau:

2.1. Chủ dự án lập báo cáo quý, 6 tháng và cả năm theo mẫu IV-GSĐG 1, báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công theo mẫu IV-GSĐG 2, báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án theo mẫu IV-GSĐG 3 và báo cáo kết thúc dự án theo mẫu IV-GSĐG 4, Phụ lục IV Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan (Bộ quản lý ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và nhà tài trợ), đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo quý, chậm nhất 08 ngày sau khi kết thúc quý; báo cáo năm, chậm nhất 20 ngày sau khi kết thúc năm; báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công 15 ngày; báo cáo kết thúc dự án trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện dự án.

- Đối với báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, chủ dự án gửi đồng thời đến các Vụ: Kế hoạch-Tài chính, Hợp tác quốc tế và Tổ chức cán bộ.

2.2. Đối với báo cáo hàng quý của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các chủ dự án thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; chế độ báo cáo như sau:

3.1. Chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài xây dựng và gửi báo cáo 6 tháng chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo; báo cáo năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau; báo cáo kết thúc, chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3.2. Đối với báo cáo tổng hợp hàng năm về kết quả vận động viện trợ, về tình hình thực hiện các khoản viện trợ của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch-Tài chính và các chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành.

3.3. Các biểu mẫu báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài theo hướng dẫn tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH DỰ ÁN

Điều 22. Kế hoạch tài chính hàng năm của dự án

1. Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) theo quy định hiện hành, các chủ dự án căn cứ danh mục tài trợ/vãn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ và khả năng thực hiện dự án, các hướng dẫn về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước, các chế độ và định mức chi tiêu hiện hành để tiến hành lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo (gồm cả vốn tài trợ và vốn đối ứng) tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung của Bộ.

Trong trường hợp dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm, chủ dự án lập kế hoạch bổ sung ngân sách năm của đơn vị, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, xử lý từng trường hợp cụ thể.

2. Việc giao dự toán ngân sách (gồm cả vốn tài trợ và vốn đối ứng) cho các chủ dự án (đơn vị dự toán trực thuộc Bộ) được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Việc phê duyệt kế hoạch và dự toán chi tiết hàng năm được thực hiện như sau: trong trường hợp vãn kiện dự án chưa phân khai kế hoạch tài chính chi tiết theo năm, hoặc trong quá trình thực hiện có sự thay đổi kế hoạch tài chính năm, chủ dự án có trách nhiệm căn cứ vào dự toán được giao và khả năng triển khai thực tế để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) kế hoạch tài chính vốn tài trợ chi tiết theo năm, phê duyệt dự toán chi tiết làm căn cứ thực hiện. Việc phê duyệt dự toán chi tiết vốn đối ứng thực hiện theo các quy định tại Quy chế quản lý dự án đầu tư công và Quy chế quản lý tài chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Vốn đối ứng và vốn tài trợ

1. Vốn đối ứng

1.1. Trong quyết định phê duyệt vãn kiện dự án phải xác định rõ về mức vốn, nguồn vốn đối ứng đóng góp bằng tiền và hiện vật trong dự án theo nguyên tắc: ngân sách Trung ương đảm bảo vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện; ngân sách địa phương đảm bảo bố trí vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các cơ quan địa phương là chủ dự án. Trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế.

1.2. Căn cứ văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Vụ Kế hoạch-Tài chính dự kiến cân đối vốn đối ứng trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Vốn tài trợ

2.1. Vốn tài trợ nước ngoài phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách và quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2.2. Cơ chế tài chính trong nước sử dụng các nguồn vốn tài trợ cho dự án (cấp phát từ NSNN, cho vay lại từ NSNN, hoặc cấp phát một phần, cho vay lại một phần từ NSNN) và tính chất sử dụng vốn của dự án (dự án xây dựng cơ bản, dự án hành chính sự nghiệp, dự án cho vay lại/tín dụng hay dự án hỗn hợp cả cấu phần chi xây dựng cơ bản và cấu phần chi hành chính sự nghiệp) phải được xác định theo từng dự án và quy định trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

2.3. Ngoại trừ những quy định được thoả thuận riêng trong các hiệp định với nhà tài trợ, các khoản chi tiêu và mua sắm từ nguồn vốn tài trợ, đặc biệt đối với các khoản chi tiêu và mua sắm tại Việt Nam, phải do phía Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm.

Điều 24. Quản lý tài sản và quyết toán

1. Việc quản lý tài sản hình thành từ nguồn tài trợ nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Điều 15 Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế (nếu có) và Quy chế quản lý tài sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quyết toán dự án

2.1. Các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được quyết toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2.2. Quyết toán các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc nguồn vốn sự nghiệp (kể cả phần vốn sự nghiệp của dự án hỗn hợp):

- Quyết toán năm: Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nguồn tài trợ tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của đơn vị và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mẫu biểu, thời gian báo cáo quyết toán kinh phí của các dự án thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), kèm theo bản thuyết minh chi tiết kinh phí quyết toán theo từng nguồn vốn (vốn vay, viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng). Vụ Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm thẩm định và thông báo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

- Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

- Quyết toán khi kết thúc dự án: Trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc dự án, trên cơ sở báo cáo quyết toán hàng năm của dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo tài chính của toàn bộ dự án (chi tiết theo từng nguồn vốn nước ngoài, vốn đối ứng) và báo cáo tài sản, công nợ và các vấn đề tồn tại khác; kiểm tra và đề xuất phương án xử lý tài sản, công nợ và các vấn đề khác có liên quan trình Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vụ Kế hoạch-Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo Bộ trưởng phê duyệt và gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về NSNN.

2.3. Quyết toán các khoản viện trợ theo hình thức phi dự án: đơn vị tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tổng hợp các nhiệm vụ chi từ nguồn tài trợ nước ngoài vào báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị mình, gửi đơn vị dự toán cấp trên thẩm tra, xét duyệt theo quy định hiện hành.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch-Tài chính và Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đúng các quy định trong Quy chế này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Trong quá trình triển khai

thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

[Handwritten mark]

BỘ TRƯỞNG

[Handwritten signature]
Trần Hồng Hà